TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

2. Ông Đào Văn Nô.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 160/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã VT, thị xã AB, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã VT, thị xã Tân AB, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Xuân H chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện (nay là thị xã) AB, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, bà T và ông H đã không còn sống chung hơn hai năm nay. Bà T đã từng nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thị xã AB, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, bà T đã rút đơn khởi kiện để cho nhau cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có hai con chung là Lê Thành Đ, sinh ngày 13/10/2007 và Lê Thành T, sinh ngày 31/12/2014. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông Lê Xuân H cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2017, bị đơn ông Lê Xuân H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lê Xuân H thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị T về thời gian chung sống, kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Ông H và bà T không còn sống chung hơn hai năm nay. Ông H đã từng nộp đơn ly hôn với đến Tòa án nhân dân thị xã AB, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, ông H đã rút đơn khởi kiện để cho nhau cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Do đó, trước yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất theo phần trình bày của bà T. Sau khi ly hôn, ông H đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung là Lê Thành Đ, sinh ngày 13/10/2007 và Lê Thành T, sinh ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, do ông H đang bị bệnh, thu nhập không ổn định nên ông H không có khả năng cấp dưỡng nuôi con, do đó ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà T không đủ điều kiện để nuôi cả hai con chung, ông H yêu cầu mỗi người được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Xuân H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung Lê Thành Đ, sinh ngày 13/10/2007 trình bày ý kiến có nguyện vọng sống cùng mẹ bà Nguyễn Thị T nếu cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện Kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Xuân H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, thị xã AB, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2007 ngày 16/01/2007, là hôn nhân hợp pháp. Bà T trình bày vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Ông H xác định vợ chồng có mâu thuẫn và không còn sống cùng nhau nên đồng ý ly hôn nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ. Về con chung, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 13/10/2007 có nguyện vọng sống cùng mẹ, cháu Lê Thành T, sinh ngày 31/12/2014 chưa được 36 tháng tuổi nên bà T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về mức cấp dưỡng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định vì bà T không chứng minh được thu nhập của ông H và ông H có ý kiến không đồng ý cấp dưỡng vì hiện tại ông H đang bệnh và thu nhập không ổn định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Xuân H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Xuân H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện (nay là thị xã) AB, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2007 ngày 16/01/2007, là hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông H thống nhất vợ chồng có những mâu thuẫn, không còn sống chung và đã từng nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà T và ông H mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung Lê Thành Đ, sinh ngày 13/10/2007 và Lê Thành T, sinh ngày 31/12/2014. Xét, hiện tại các con chung đang sống cùng bà T, con chung Lê Thành Đ có nguyện vọng sống cùng bà T, con chung Lê Thành T, sinh ngày 31/12/2014 chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy, việc bà T yêu cầu nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi

con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Do vậy, bà T yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận theo quy định viện dẫn trên. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, bà Thúy yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000 đồng/tháng/02 con, nhưng không chứng minh được mức thu nhập của ông H nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật và điều kiện thực tế để xem xét mức cấp dưỡng, buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng/02 con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Hiệp phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Xuân H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thành Đ, sinh ngày 13/10/2007 và Lê Thành T, sinh ngày 31/12/2014 cho bà T nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng/02 con đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, vì quyền lợi của con, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể thay đổi người và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0013340 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Ông Lê Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã VT, thị xã AB (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết